

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ bưu chính công ích của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/2/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ bưu chính công ích của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Thủ trưởng các cục, vụ, đơn vị có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện:

- Niêm yết danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích tại nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Bổ sung phương thức giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công ích (nếu có) khi sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính.

- Chủ động phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích để triển khai thực hiện dịch vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng chính phủ);
- Tổng công ty BĐVN (để phối hợp);
- Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TCCB.



Hà Công Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số **3184**/QĐ-BNN-TCCB ngày **28/7/2017** của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
I. Lĩnh vực Thủy sản (7 thủ tục)		
1.	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản bố mẹ chủ lực nhập khẩu	Tổng cục Thủy sản
2.	Cấp phép nhập khẩu thủy sản sống dùng làm thực phẩm ngoài danh mục	
3.	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để khảo nghiệm	
4.	Công nhận thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam	
5.	Công nhận thay đổi thông tin của thức ăn thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam	
6.	Công nhận lại thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam	
7.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	
II. Lĩnh vực Lâm nghiệp (10 thủ tục)		
8.	Chấp thuận cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập trong khu rừng đặc dụng	Tổng cục Lâm nghiệp
9.	Cho phép nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và cá nhân nước ngoài (phạm vi giải quyết của Bộ NN&PTNT)	
10.	Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới	
11.	Cấp giấy phép xuất khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	
12.	Cấp giấy phép nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam
13.	Cấp Giấy phép xuất khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm	
14.	Cấp Giấy phép nhập khẩu mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm	
15.	Cấp Giấy phép CITES xuất khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật săn bắn	
16.	Cấp Giấy phép CITES nhập nội từ biểu mẫu vật quy định tại các Phụ lục I, II của Công ước CITES	
17.	Cấp giấy phép vận chuyển quá cảnh mẫu vật là động vật sống	
III. Lĩnh vực Thủy lợi (8 thủ tục)		
18.	Cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Tổng cục Thủy lợi

Đang

TT	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
19.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 4, 9, 10 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
20.	Cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	
21.	Cấp giấy phép cho các hoạt động xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có; khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng; xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	
22.	Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi đối với các trường hợp xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng nước thải lớn hơn hoặc bằng 1000m ³ /ngày đêm.	
23.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi đối với các trường hợp xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng nước thải lớn hơn hoặc bằng 1000m ³ /ngày đêm.	
24.	Thẩm định các hoạt động sử dụng bãi sông nơi chưa có công trình xây dựng để xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt liên quan đến đê điều.	
25.	Chấp thuận các hoạt động liên quan đến đê điều đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III (cắt xẻ đê; khoan, đào; xây dựng công trình đặc biệt, bãi sông, lòng sông trong phạm vi bảo vệ đê điều) và các hoạt động xây dựng, cải tạo công trình giao thông liên quan đến đê điều mà vi phạm từ hai tỉnh trở lên.	
IV. Lĩnh vực trồng trọt (8 thủ tục)		
26.	Cấp giấy phép xuất/nhập khẩu giống cây trồng nông nghiệp không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam	Cục Trồng trọt
27.	Cấp giấy phép xuất/nhập khẩu nguồn gen cây trồng phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật	
28.	Cấp bằng bảo hộ quyền đối với giống cây trồng	
29.	Đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng	

Quang

TT	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
30.	Phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng	
31.	Sửa đổi Bằng bảo hộ giống cây trồng	
32.	Cấp lại Bằng bảo hộ giống cây trồng	
33.	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen	
V. Lĩnh vực Quản lý chất lượng (18 thủ tục)		
34.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản có xuất khẩu	Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản
35.	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản có xuất khẩu	
36.	Xử lý lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo không bảo đảm an toàn thực phẩm	
37.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật thủy sản	
38.	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật thủy sản	
39.	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	
40.	Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu	
41.	Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm	
42.	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
43.	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	
44.	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
45.	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	
46.	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm.	
47.	Cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu sản xuất tại các cơ sở trong danh sách ưu tiên	
48.	Cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu sản xuất tại các cơ sở ngoài danh sách ưu tiên	
49.	Cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thực phẩm thủy sản xuất khẩu	
50.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm	

Caang

TT	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
51.	Xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu	
VI. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (10 thủ tục)		
52.	Cấp giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu	Cục Bảo vệ thực vật
53.	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	
54.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	
55.	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật.	
56.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp mất, sai sót, hư hỏng	
57.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp đổi tên thương phẩm, thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	
58.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trường hợp thay đổi nhà sản xuất	
59.	Cấp giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác	
60.	Cấp lại giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác	
61.	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác	
VII. Lĩnh vực Thú y (2 thủ tục)		
62.	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền của Cục Thú y (gồm Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Cục Thú y
63.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	
VIII. Lĩnh vực Khoa học và công nghệ (2 thủ tục)		
64.	Công nhận Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Vụ Khoa học công nghệ và môi trường
65.	Công nhận lại Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT